

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, Văn phòng Bộ (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Anh Tuấn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 985 /QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 08 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết				
1	1.004413	Cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay	Thông tư số 27/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT- BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	Cục Hàng không Việt Nam

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THÀNH VIÊN TỔ BAY

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác tàu bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong vòng 3 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ bao gồm danh sách tổ bay và các tài liệu kèm theo, Cục Hàng không Việt Nam xem xét và thông báo về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

Trong vòng 4 ngày làm việc, kể từ khi hồ sơ được xác định là hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam hoàn tất thủ tục để cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay cho các đối tượng đáp ứng yêu cầu.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Bản sao hoặc bản sao điện tử công văn đề nghị của Người khai thác tàu bay kèm theo danh sách các đối tượng đề nghị cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay, trong đó:

+ Đối với thành viên tổ lái, nhân viên kỹ thuật, Người khai thác lập danh sách đối tượng đề nghị cấp;

+ Đối với tiếp viên hàng không và các nhân viên làm nhiệm vụ chuyến bay khác, Người khai thác lập danh sách và kết quả huấn luyện, kiểm tra trình độ đáp ứng các yêu cầu về an toàn hàng không đối với nhiệm vụ trên chuyến bay.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử của đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay theo mẫu;

- Ảnh chân dung 3x4 hoặc ảnh chân dung 3x4 dạng điện tử (đối với trường hợp gửi trực tuyến).

b) Số lượng: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 04 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận thành viên tổ bay.

8. Phí, lệ phí: 200.000 đồng/lần/người.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 8 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 11/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Thông tư số 27/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

12. Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay

		ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THÀNH VIÊN TỔ BAY APPLICATION FOR CREW MEMBER CERTIFICATE		HƯỚNG DẪN Điền tay hoặc máy. Chỉ nộp bản gốc cho Phòng Tiêu chuẩn An toàn bay hoặc Người được Cục Hàng không Việt Nam ủy quyền. Nếu cần thêm không gian, hãy sử dụng trang đính kèm. INSTRUCTIONS Write or type. Submit original only to the Flight Safety Standards Department or a CAAV Authorized Person. If additional space is required, use an attachment	
A. ĐỀ NGHỊ/ APPLICATION IS HEREBY MADE FOR <input type="checkbox"/> CẤP LẦN ĐẦU/ ISSUANCE <input type="checkbox"/> CẤP LẠI/ REISSUANCE <input type="checkbox"/> GIA HẠN/ RENEWAL GIẤY CHỨNG NHẬN THÀNH VIÊN TỔ BAY VIỆT NAM CHO/ OF THE FOLLOWING VIETNAM CREW MEMBER CERTIFICATE:					
<input type="checkbox"/> TỔ LÁI/ FLIGHT CREW		<input type="checkbox"/> NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY/ AMT		<input type="checkbox"/> PHỤ TRÁCH XẾP TẢI/ LOAD MASTER	
<input type="checkbox"/> TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG/ CABIN CREW		<input type="checkbox"/> NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ, KT BAY/ FLIGHT DISPATCHER		<input type="checkbox"/> KHÁC/ OTHER:	
<input type="checkbox"/> CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG/ FLIGHT ENGINEER		<input type="checkbox"/> NHÂN VIÊN XẾP TẢI/ LOAD CONTROL			
B. ĐỀ NGHỊ CỦA NHÀ KHAI THÁC/ AIR OPERATOR REQUEST					
1. <i>Tôi xác nhận rằng nhân viên hàng không được nêu trong Phần C dưới đây đã hoàn thành tất cả các yêu cầu đào tạo áp dụng cho hoạt động của công ty trong lĩnh vực vận tải hàng không thương mại và yêu cầu người đó phải được kiểm tra trình độ cho các vị trí và hoạt động bay/ I certify that the airman listed in Section C below has completed all applicable training requirements for operations with this company under commercial air transport and request that he or she be checked for proficiency for positions and flight operations.</i>					
2. VỊ TRÍ ĐỀ NGHỊ/ ASSIGNED POSITION:					
3. TÊN NHÀ KHAI THÁC/ AIR OPERATOR BUSINESS NAME:		4. SỐ GIẤY CHỨNG NHẬN AOC/ AOC CERTIFICATE#:		5. SỐ ĐIỆN THOẠI/ TELEPHONE:	
				6. SỐ FAX/ FAX:	
7. CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN/ SIGNATURE OF COMPANY OFFICIAL (DIRECTOR OF OPERATIONS OR CHIEF PILOT)		8. NGÀY KÝ/ DATE SIGNED		9. TÊN VÀ CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN/ PRINTED NAME AND TITLE OF COMPANY OFFICIAL	
C. THÔNG TIN NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG/ PERSONAL INFORMATION:					
1. HỌ TÊN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/ FULL NAME:		2. ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ/ PHONE CONTACT NUMBERS:		3. ĐỊA CHỈ/ PERMANENT ADDRESS (Street or PO Box Number)	
4. SỐ HỘ CHIẾU VÀ QUỐC GIA CẤP/ PASSPORT NUMBER & STATE OF ISSUE		5. THÀNH PHỐ/ TỈNH CITY/ STATE/ PROVINCE		6. MÃ BƯU CỤC/ MAIL CODE	
				7. COUNTRY/ QUỐC GIA	
6. QUỐC TỊCH/ NATIONALITY (CITIZENSHIP)		7. NƠI SINH/ COUNTRY OF BIRTH		8. NGÀY SINH/ DATE OF BIRTH	

9. CHIỀU CAO/ HEIGHT	10. CÂN NẶNG/ WEIGHT	11. MÀU TÓC/ HAIR	12. MÀU MẮT/ EYES	13. GIỚI TÍNH/ SEX	14. ĐỊA CHỈ E-MAL/ E-MAIL ADDRESS	15. For CAAV Use
D. GIẤY CHỨNG NHẬN THÀNH VIÊN TỔ BAY ĐANG GIỮ/ CURRENT HOLDER OF A CREW MEMBER CERTIFICATE?						
1. <input type="checkbox"/> CÓ/ YES <input type="checkbox"/> KHÔNG/ NO		2. SỐ GCN/ NUMBER		3. QUỐC GIA BAN HÀNH/ STATE OF ISSUE		4. NGÀY HẾT HẠN/ DATE OF EXPIRY
E. ẢNH CHÂN DUNG VÀ GHI CHÚ/ PHOTO & NOTES?						
1. ẢNH CHÂN DUNG/ PHOTO (3X4)		2. GHI CHÚ/ NOTES				
F. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LÀM ĐƠN/ APPLICANT'S CERTIFICATION:						
<p>1. Tôi xác nhận rằng thông tin cá nhân và Giấy chứng nhận ở trên là đúng và chính xác. Tôi xác nhận thêm rằng tôi đã hoàn thành tất cả các yêu cầu đào tạo ban đầu và / hoặc định kỳ đã được phê chuẩn cho chủ sở hữu AOC và đáp ứng tất cả các yêu cầu kinh nghiệm hàng không nêu trong QCATHK Phần 7, 10 và 14 đối với tàu bay, vị trí công việc và hoạt động đề nghị./ I certify that the above personal and certificate information is true and correct. I further certify that I have completed all applicable initial and/or recurrent training requirements approved for the AOC holder and meet all VAR Part 7, 10 and 14 aeronautical experience requirements for the assigned aircraft, position and operations proposed.:</p>						
2. NGÀY KÝ/ DATE SIGNED.		3. CHỮ KÝ NGƯỜI ĐỀ NGHỊ / SIGNATURE OF APPLICANT		4. TÊN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/ PRINTED NAME OF APPLICANT		
G. ĐÍNH KÈM/ ATTACHMENTS:						
1. <input type="checkbox"/> BẢN SAO GIẤY CHỨNG NHẬN/ GIẤY PHÉP NÊU TRONG PHẦN A (NẾU CÓ)/ COPY OF CERTIFICATE/ LICENCE MENTIONED IN SECTION A.						
2. <input type="checkbox"/> BẢN SAO CHỨNG MINH NHÂN DÂN/ THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN/ HỘ CHIẾU/ COPY OF IDENTIFICATION CERTIFICATE (ID)/ PASSPORT.						
3. <input type="checkbox"/> KẾT QUẢ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ VỀ AN TOÀN HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG/ TRAINING RESULT AND COMPETENCY CHECK OF AVIATION SAFETY FOR CABIN CREW						
H. CAAV AUTHORIZED PERSON CERTIFICATION:						
GIẤY CHỨNG NHẬN THÀNH VIÊN TỔ BAY ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 10.115 VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM/ THE CMC WAS ISSUED IAW 10.115 AND CAAV REQUIRMENTS:					<input type="checkbox"/> CÓ/ YES <input type="checkbox"/> KHÔNG/ NO	
1. NGÀY/ DATE		2. CHỨC DANH HOẶC SỐ ỦY QUYỀN/ TITLE OR DESIGNATION NUMBER		3. CHỮ KÝ/ SIGNATURE		4. CASORT-PEL Entry: